

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST

Ngày: 20/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Huynh.

Ông Trần Quốc Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quang Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Lâm P: Ông Đỗ N, sinh năm 1978, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018). Địa chỉ: Ấp 10, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị đơn: Bà Bùi T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp SB, xã Đ, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của ông Đỗ N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 16/8/2016, bà Bùi T có vay của ông Lâm P số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay

là 18 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay trị bệnh, từ khi vay đến nay bà T không trả gốc và lãi như thỏa thuận cho ông Lâm P. Ông P đã nhiều lần liên hệ với bà T yêu cầu bà T trả số tiền trên bà T hứa hẹn nhiều lần nhưng không thanh toán số tiền trên. Nay, ông Đỗ N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi T có nghĩa vụ trả ông Lâm P số tiền 20.736.000 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng, lãi 8.736.000 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đỗ N là đại diện hợp pháp của ông Lâm P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi T có nghĩa vụ trả ông Lâm P tổng số tiền 14.835.000 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng, lãi 2.835.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Bùi T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành có mặt theo giấy triệu tập. Riêng bị đơn bà Bùi T thì vắng mặt không có lý do.

2. Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và tại phiên tòa: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 16/8/2016 thì bà Bùi T có vay của ông Lâm P số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 18 tháng, mục đích vay trị bệnh. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án từ khi vay đến nay bà T không có đóng lãi và trả gốc cho ông P. Nay ông N là đại diện hợp pháp của ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả ông P tổng số tiền 14.835.000 đồng (trong đó vốn 12.000.000 đồng và 2.835.000 đồng tiền lãi) theo biên nhận 16/8/2016 là có căn cứ. Đề xuất Tòa án áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Bùi T có nghĩa vụ trả ông Lâm P số tiền 14.835.000 đồng (trong đó nợ gốc 12.000.000 đồng, lãi 2.835.000 đồng). Về án phí bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Lâm P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 14.835.000 đồng, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay. Theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Bùi T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử vắng mặt bà Bùi T.

[3] Nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả ông P tổng số tiền 20.736.000 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng, lãi 8.736.000 đồng). Tại phiên tòa hôm nay ông N là đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: ông N yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả ông P tổng số tiền 14.835.000 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng và lãi là 2.835.000 đồng), do trước đó ông yêu cầu tính lãi suất với mức 3%/tháng nay ông yêu cầu tính lãi trong hạn là 0,75%/tháng và lãi quá hạn là 1.125%/tháng, cụ thể từ ngày 16/8/2016 đến ngày 16/2/2018 là 18 tháng: $12.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 1.620.000 \text{ đồng}$; từ ngày 17/02/2018 đến ngày 20/11/2018 làm tròn 09 tháng: $12.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 2.215.000 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi $1.620.000 \text{ đồng} + 2.215.000 \text{ đồng} = 2.835.000 \text{ đồng}$).

Căn cứ vào biên nhận ngày 16/8/2016 do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định bà Bùi T có vay của ông Lâm P số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận vay 3%/tháng, mục đích vay trị bệnh, thời hạn vay 18 tháng.

Ngày 24/9/2018 Tòa án có quyết định yêu cầu bà T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc bà có trả vốn gốc và lãi theo thỏa thuận trong biên nhận ngày 16/8/2016 cho ông P nhưng đến thời điểm hiện tại Tòa án không nhận được văn bản trả lời của bà T, do đó Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, từ ngày vay đến nay bà T không trả vốn và đóng lãi cho ông P theo thỏa thuận tại biên nhận ngày 16/8/2016, hiện tại bà T còn nợ ông P số tiền gốc là 12.000.000 đồng. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ông N yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả ông P số tiền gốc 12.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền lãi ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc là T trả số tiền 2.835.000 đồng, xét yêu cầu của ông P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”. Bị đơn bà Bùi T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên phải tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Bùi T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm P. Buộc bà Bùi T có nghĩa vụ trả ông Lâm P tổng số tiền 14.835.000 đồng (trong đó gốc 12.000.000 đồng, lãi 2.835.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Bùi T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 741.750 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

Ông Lâm P không phải chịu án phí nên được nhận lại 477.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0016965 ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đường sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Phan Thị Bích Lộc

